

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-05-2021

*“Tranh chấp ly hôn, nuôi con, hợp đồng tín dụng,  
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**N DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Mua

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt– Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 05 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2020 về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* và vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-DS, ngày 16/06/2020, 12/10/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”*. Tại Quyết định nhập vụ án số: 236/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06/10/2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con, Hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS, ngày 23/04/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Trần Quang T**, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, Vĩnh Long.

**- Bị đơn: Huỳnh Thị Hồng P**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, Vĩnh Long.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**- Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số A, B, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Thành T** - Chức vụ: Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền số 1097/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 25/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A, vắng mặt)

- Anh **Trần Huỳnh N**, sinh ngày 15/11/2002 (xin vắng mặt)

- Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/09/2020 và lời khai trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang T trình bày:*

Anh Trần Quang T và chị Huỳnh Thị Hồng P có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn N năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/5/2002.

Thời gian sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh T ở ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 17 năm có 02 con chung nhưng hạnh phúc chỉ kéo dài đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị P không lo chăm sóc cho cuộc sống gia đình. Anh và chị P đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn N không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với Huỳnh Thị Hồng P.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011, anh T giao cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có phần đất thừa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất thì diện tích đo đạc thực tế là 381,0m<sup>2</sup>, trên đất có 02 căn nhà:

+ Nhà, vật kiến trúc của anh T, chị P xây dựng gắn trên phần đất có diện tích 292m<sup>2</sup>, có tổng trị giá nhà, vật kiến trúc và đất là 596.738.099đ (*Năm trăm, chín mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, không trăm chín mươi chín đồng*).

+ Nhà, vật kiến trúc của bà Huỳnh Thị M xây dựng có diện tích 89m<sup>2</sup>, có tổng trị giá nhà, vật kiến trúc và đất là 328.299.028đ (*Ba trăm, hai mươi tám triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*).

Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản: Anh T thống nhất chi phí là 1.858.900đ, anh đồng ý việc Ngân hàng chịu chi phí này.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long số tiền gốc còn lại là 550.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 68.091.781đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/4/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc thực tế là 292.0m<sup>2</sup> để thu hồi nợ,

Đồng ý chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M một phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 89.0m<sup>2</sup>.

Đối với số tiền trả nợ cho Ngân hàng, nếu còn dư thì anh giao cho chị P nhận và sử dụng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng P trình bày:

Chị Huỳnh Thị Hồng P và anh Trần Quang T có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn N năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/5/2002.

Thời gian sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 17 năm có 02 con chung nhưng hạnh phúc chỉ kéo dài đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Chị cho rằng còn thương chồng, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002, Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011, chị yêu cầu nuôi Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có tài sản là nhà cấp 4, diện tích khoảng 120m<sup>2</sup>, phần đất thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đang thế chấp Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long, nếu trả nợ còn dư thì chị đồng ý nhận số tiền dư để sử dụng.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng, chị đồng ý cùng anh T trả cho Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long số tiền gốc còn lại là 550.000.000đ và tiền lãi là 37.781.507đ đến ngày 5/11/2020, tổng cộng là 587.781.507đ và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 6/11/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Đối với việc chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M một phần tại thửa đất số 22, diện tích 90m<sup>2</sup>, tại tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Khi bán chị có nói cho bà M biết là có thể chấp Ngân hàng, nhưng bà M đồng ý mua luôn. Hai bên có lập giấy tay ngày 15/03/2019, sau đó bà M đưa cho chị và anh T 100.000.000đ, hiện tại phần đất cất căn nhà kho để chứa lúa. Chị đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng giao phần đất này cho bà M.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP A có anh Phan Thành T trình bày:*

Chị Huỳnh Thị Hồng P, anh Trần Quang T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – chi nhánh tỉnh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Khu công nghiệp Hòa Phú theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1609/2019-HĐCVHM/NHCT800, ngày 16/9/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCV-SĐBS 1609/2019-HĐCVHM/NHCT800 – HUYNH THI HONG PHUONG, ngày 20/03/2020 như sau:

Hạn mức cho vay: 1.000.000.000đ, mục đích vay: Mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 16/9/2019 đến hết ngày 16/9/2020, thời hạn cho vay theo giấy nhận nợ: 06 tháng.

Bà Huỳnh Thị Hồng P đã nhận nợ 04 lần với tổng số tiền là **1.000.000.000đ**, đã trả được 479.528.768đ, trong đó: nợ gốc đã trả: 450.000.000đ, lãi cho vay: 29.528.768đ, cụ thể như sau:

1/Giấy nhận nợ số 01: Số tiền nhận nợ: 200.000.000đ.

Ngày vay: 18/9/2019, ngày đến hạn: 20/03/2020

Kết quả thực hiện nghĩa vụ: Trả tổng cộng là 209.136.987đ, trong đó gốc: 200.000.000đ, lãi vay: 9.136.987đ.

2/Giấy nhận nợ số 02: Số tiền nhận nợ: 250.000.000đ.

Ngày vay: 24/9/2019, ngày đến hạn: 03/03/2020

Kết quả thực hiện nghĩa vụ: Trả tổng cộng là 260.972.603đ, trong đó gốc: 250.000.000đ, lãi vay: 10.972.603đ.

3/Giấy nhận nợ số 03: Số tiền nhận nợ: 200.000.000đ.

Ngày vay: 7/10/2019, ngày đến hạn: 7/4/2020

Kết quả thực hiện nghĩa vụ: Trả tổng cộng là 8.383.562đ, còn lại đến nay chưa trả.

4/Giấy nhận nợ số 04: Số tiền nhận nợ: 350.000.000đ.

Ngày vay: 13/03/2020, ngày đến hạn: 14/9/2020

Kết quả thực hiện nghĩa vụ: Đã trả lãi vay: 1.035.616đ.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay thì anh T, chị P có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do anh T, chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A yêu cầu Ngân hàng TMCP A yêu cầu anh Trần Quang T, chị Huỳnh Thị Hồng P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc 550.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 68.091.781đ, tổng cộng là 618.091.071đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/4/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Nếu không thì phát mãi tài sản thế chấp là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ diện tích, đo đạc thực tế là 381.0m<sup>2</sup> để thu hồi nợ, không đồng ý việc chuyển nhượng giữa anh T, chị P với cho bà Huỳnh Thị M có diện tích đo đạc thực tế là 89.0m<sup>2</sup>. Thống nhất biên bản định giá của Tòa án.

Ngân hàng TMCP A đồng ý chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản là 1.858.900đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà Huỳnh Thị M có chuyển nhượng phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Phú Thuận, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà có biết là anh T, chị P vay Ngân hàng nhưng không biết vay Ngân hàng nào và vay bao nhiêu tiền. Hai vợ chồng anh T, chị P nói cần tiền nên kêu bà mua một phần thửa đất này, bà lập giấy tay chuyển nhượng ngang 5m, dài 18m, khoảng 90m<sup>2</sup>, bà đưa tiền 100.000.000đ khoảng 01 tháng rồi đến vào ngày 15/03/2019 mới lập giấy tay cho hai bên ký tên vào. Khoảng tháng 11/2019 thì bà mới kêu vật liệu xây dựng cất nhà hết trên phần đất chuyển nhượng của anh T, chị P, căn nhà cấp 4: nền tráng xi măng, mái tôn, xây tường, không trần, giá trị khoảng 170.000.000đ.

Nay bà yêu cầu anh Trần Quang T, chị Huỳnh Thị Hồng P tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tách thửa cho bà để bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại phiên tòa*, anh Trần Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị P. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, còn cháu Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011, anh T giao cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị P đã thỏa thuận với Ngân hàng TMCP A thống nhất giao tài sản cho Ngân hàng TMCP A để xử lý nợ xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản: Phía Ngân hàng TMCP A chịu chi phí là 1.858.900đ, anh thống nhất không ý kiến.

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị M, anh và chị P đã thỏa thuận xong.

- *Chị Huỳnh Thị Hồng P, anh Phan Thành Trung, bà Huỳnh Thị M, Trần Huỳnh N vắng mặt nên không trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Việc tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

*Về nội dung:* Căn cứ Điều 147, 165, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn N: Giải quyết cho ly hôn đối với anh Trần Quang T và chị Huỳnh Thị Hồng P.

- Về con chung: giao cháu Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị P nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng A– chi nhánh Vĩnh Long về việc yêu cầu anh T, chị P trả số tiền vay là 550.000.000đ và lãi 68.091.781đ và phát mãi tài sản thế chấp. Đình chỉ yêu cầu của bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu anh T, chị P tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với diện tích 89m<sup>2</sup> trong thửa đất số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup> loại đất ở và trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ

- Về chi phí định giá: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP A– Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long về việc chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá.

- Về án phí: Buộc anh Trần Quang T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về pháp luật tố tụng:***

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con, hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M, Trần Huỳnh N cư trú tại xã B,

huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Huỳnh N có đơn xin vắng mặt. Đại diện Ngân hàng TMCP A có đơn rút đơn khởi kiện ngày 20/05/2021; bà Huỳnh Thị M có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 23/4/2021. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

***Về pháp luật nội dung:***

***- Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T:***

[1]. Về quan hệ hôn N: Anh Trần Quang T và chị Huỳnh Thị Hồng P có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/5/2002, do đó hôn nhân của anh T, chị P là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh Trần Quang T xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Hồng P, quá trình giải quyết Tòa án hòa giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Như vậy, trong khoảng thời gian anh T, chị P chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Trong khoảng thời gian không sống chung với nhau thì vợ chồng chưa giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng làm cho quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng bị vi phạm nghiêm trọng. Việc ly thân đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị P là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.



[2]. *Về con chung*: Cháu Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, anh T giao cháu Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị P nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét thấy, cháu N1 đang sống chung với chị P, hiện do chị P chăm sóc, giáo dục và anh T chị P cũng thỏa thuận là giao cháu N1 cho chị P nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Hồng P là giao cháu Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị Huỳnh Thị Hồng P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Huỳnh Thị Hồng P chưa yêu cầu, anh Trần Quang T cũng không cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T, chị P khai vợ chồng có tài sản chung là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để vay tiền. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A yêu cầu anh T, chị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc 550.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 68.091.781đ, tổng cộng là 618.091.071đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/4/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Anh T, chị P đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Diện tích đo đạc thực tế là 292.0m<sup>2</sup> để thu hồi nợ, trừ đi phần đất chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M có diện tích đo đạc thực tế là 89.0m<sup>2</sup>. Tổng diện tích là 381,0m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án thì phía anh T, chị P, bà M và đại diện Ngân hàng TMCP A đã thỏa thuận về khoản nợ của hợp đồng tín dụng giữa anh T, chị P và Ngân hàng TMCP A và phần đất tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với anh T, chị P; nên phía bà M và đại diện Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về giải quyết về phần nợ, phần đất. Do các bên đã thỏa thuận xong và có đơn rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của anh T, chị P.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Hồng P còn trình bày trong bản khai về nợ chung của vợ chồng còn nợ hụi. Tòa án đã ra thông báo cho chị P 02 lần nhưng đến nay chưa cung cấp được cho Tòa án và cũng không có ý kiến gì với Tòa án việc nợ hụi mà chị trình bày. Chị P yêu cầu giải quyết nợ hụi nên chị P phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị P cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung để Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác”*.

Tuy nhiên đến nay chưa cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ, trong khi anh T cho rằng vợ chồng chỉ có nợ Ngân hàng TMCP A, các bên đã thỏa thuận giải quyết xong, thông qua việc đại diện Ngân hàng TMCP A có đơn xin rút đơn khởi kiện. Hơn nữa không ai có đơn yêu cầu Tòa án xem xét vấn đề nợ của anh T, chị P. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết vấn đề nợ chung mà chị P trình bày, nếu có chứng cứ chứng minh thì chị P có quyền làm đơn khởi kiện Tòa án xem xét trong một vụ kiện dân sự khác.

**[5]. *Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A:***

Yêu cầu chị P, anh T trả số tiền gốc là 550.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 68.091.781đ, tổng cộng là 618.091.071đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/4/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng đã làm đơn yêu cầu Tòa án đo đạc, định giá tài sản phần đất thế chấp là thửa số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích đo đạc thực tế là 381,0m<sup>2</sup>.

Thống nhất chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản là 1.858.900đ, phía Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí này.

Do các bên thỏa thuận được việc trả nợ, đến nay anh T, chị P đã trả nợ xong cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã làm đơn xin rút lại đơn yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh T, chị P và Ngân hàng TMCP A đã thỏa thuận xong được khoản nợ và có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

**[6]. *Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M:***

Yêu cầu anh T, chị P tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất tách thửa đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 50, diện tích 417,9m<sup>2</sup>, loại đất ở (100m<sup>2</sup>) và đất trồng cây lâu năm (317,9m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long của Hộ ông Trần Quang T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích đo đạc, thực tế là 89.0m<sup>2</sup>. Quá trình giải quyết vụ án, bà và anh T, chị P thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phần đất chuyển nhượng nên bà M đã làm đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh T, chị P và bà M đã thỏa thuận xong về vấn đề chuyển nhượng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà M.

**[7]. *Về án phí:*** Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A, bà Huỳnh Thị M số tiền đã tạm ứng án phí.

[8]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 165, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn N*: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quang T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Hồng P.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Trần Huỳnh N1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị P nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Trần Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Anh Trần Quang T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: chị Huỳnh Thị Hồng P chưa yêu cầu, anh Trần Quang T cũng không cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. *Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá*: Ngân hàng TMCP A tự nguyện chịu số tiền là 1.858.900đ (*Một triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm đồng*), Ngân hàng TMCP A đã nộp xong.

[6]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với anh Trần Quang T và chị Huỳnh Thị Hồng P về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc còn lại là 550.000.000đ và tiền lãi.

[7]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với anh Trần Quang T và chị Huỳnh Thị Hồng P về việc yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[8]. *Về án phí*: Anh Trần Quang T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010521 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp xong.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là 13.126.000đ (*M ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai 0010236, ngày 16/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai 0010552, ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**



